

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST

Ngày 24-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Viết Nguyên.

2. Ông Lê Minh Chiêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định , tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên : **Nguyễn Phương N**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 02/9/2001 tại xã ĐB, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn MN, xã ĐB, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976; Con bà: Lê Thị T2, sinh năm: 1976; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con đầu; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm: 2000; Có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2022, đến ngày 30/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Phong P**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 29/10/2000 tại xã Z, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn TĐ, xã Z, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Huy P1 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1971; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2022 cho đến ngày 12/01/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trịnh Quốc T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 22/11/1996 tại xã YN, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn NĐ, xã YN, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Ngọc N1(Đã chết); Con bà: Trịnh Thị T3, sinh năm: 1974; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Bị cáo có vợ là Trịnh Ngọc A sinh năm: 2001, có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Lê Đình B**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 01/4/1995 tại xã YH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn HT, xã YH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đình T4, sinh năm: 1956; Con bà: Lê Thị C1, sinh năm: 1957; Gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ 5; Bị cáo có vợ là Lưu Thị H2, sinh năm: 1996; Có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Trịnh Ngọc C**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 05/8/1992 tại xã YN, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn NĐ, xã YN, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Ngọc B1 (Đã chết); Con bà: Đình Thị P, sinh năm: 1964; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Bị cáo có vợ là Trịnh Thị G, sinh năm 1993; Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Lê Trung Đ**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 23/3/2002 tại xã ĐL, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn BT, xã ĐL, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Thôn NĐ, xã YN, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Trung H3 (đã chết); Con bà: Trịnh Thị D1, sinh năm: 1966; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là thứ 4; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/5/2020 bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác (quyết định xử phạt số 0059866). Bị cáo đã nộp phạt ngày 15/5/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2022 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Những người làm chứng:*

1. Anh Trịnh Văn E, sinh năm: 2001. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn NĐ, xã YN, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Trịnh Hữu I, sinh năm: 1996. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn LK, xã YT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Lê Hồng K, sinh năm: 1994. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn BH, xã YP, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Dương Minh Đ1, sinh năm: 1987. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 3, Thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1984. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã Z, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

6. Anh Hoàng Văn K, sinh năm: 2003. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TN, xã X, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

7. Anh Lê Tiến D2, sinh năm 2001. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn MN, xã ĐB, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

8. Ông Nguyễn Văn D3, sinh năm: 1976. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn MN, xã ĐB, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

9. Chị Lê Thị T5, sinh năm: 1991. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn DT, xã ĐL, Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

10. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1990. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 3, Thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 08/10/2022, Trịnh Quốc T và Lê Đình B cùng liên hoan tại nhà hàng Hùng Cường ở khu 4, thị trấn Quán Lào. Trong lúc liên hoan, T và B xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, lúc này Nguyễn Phương N cũng tham gia liên hoan thấy T và B cãi nhau, do bên vực B nên N đã tát T 01 cái vào mặt, B cũng đấm T 2-3 cái vào mặt, hai bên tiếp tục cãi nhau được mọi người liên hoan cùng can ngăn. Lúc này, T, B, N và một số người nữa đi ra ngoài sân nhà hàng tiếp tục cãi, chửi nhau. Sau đó, N và Lê Phong P lên xe đi về thấy B và T đang chửi, thách thức đánh nhau nên N, P và B lùa đánh T bằng tay, chân tại bãi đất trống bên cạnh nhà hàng và trước đường. Mọi người tiếp tục can ngăn thì N, P và B dừng lại. T lấy

điện thoại gọi cho Trịnh Ngọc C đến đón T về. C rủ thêm Lê Trung Đ và Trịnh Văn E (ở thôn NĐ, xã YN) đi cùng để đón T. Đ sử dụng xe mô tô BKS 36B8-100.34 của Đ chở C và E. Khi đến nhà hàng Hùng Cường, C gặp T nên đã hỏi chuyện. T nói cho C và mọi người biết việc bị đánh, đồng thời chỉ vào B (người đã đánh T) cho C. T, C và Đ lừa đánh B bằng tay không thì được mọi người tiếp tục can ngăn. Lúc này, có anh Trịnh Hữu I (sinh năm 1996, ở thôn LK, xã YT) đứng ra can ngăn thì anh I bị đánh gây thương tích ở trán. Sau đó, C và Đ lại tiếp tục đánh anh Lê Hồng K (sinh năm 1984, ở thôn Bùi Hạ 1, xã YP) thì T bảo nhằm người nên C, Đ dừng lại (anh K không bị thương tích gì). Sau đó, T và N tiếp tục nói chuyện điện thoại, chửi bới, thách thức đánh nhau, đồng thời hẹn nhau đến trước kho hàng tiết kiệm tại khu 4, thị trấn Quán Lào gặp nhau nói chuyện. T đi trước, một lúc sau C, Đ và E đi sau. Khi nhóm của T đang nói chuyện trước kho giao hàng thì N và P đi đến. Thấy nhóm N cầm hung khí giơ lên đánh thì C nói “từ từ đã” nhưng N đã dùng gậy baton để vụt C, cả hai vật nhau ở lề đường, sau đó C bỏ chạy. Còn P dùng dao chém T, sau đó vật nhau với T ở giải phân cách giữa đường, hai bên giằng co con dao. Thấy vậy, Đ chạy lại đập vào người P để P không đánh T nữa thì thấy N chạy lại chỗ P, thấy N có hung khí nên Đ bỏ chạy. N giật con dao từ tay P ném sang lề đường, đồng thời dùng gậy baton đánh T. Sau đó cả hai bên dừng lại. T và C bị thương tích được mọi người đưa đến Bệnh viện điều trị vết thương.

Tại bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 09/10/2022, T bị các vết thương sau:

- + 01 vết thương ở vùng đỉnh đầu được khâu kín chỉ, kích thước dài 6cm.
- + 01 vết thương vùng trán đỉnh phải, đã được khâu kín chỉ, kích thước dài 4cm.
- + 01 vết bầm tụ máu, xây xước da không liên tục, không rõ hình vùng mắt phải và gò má phải, kích thước trong diện 3,5cm x 5cm.
- + 01 vết thương mặt ngoài khuỷu tay trái dài 4cm, đã được khâu kín chỉ, xung quanh có vết sưng nề, không rõ hình, kích thước 5cm x 5cm.
- + 01 vết thương rách da mặt trong lòng bàn tay trái không liên tục từ kẻ ngón giữa và ngón nhẫn đến cổ tay, dài 10cm, đã khâu kín chỉ.
- + 01 vết sưng bầm tụ máu mu bàn tay trái, không rõ hình dạng kích thước trong diện 6cm x 8cm.
- + 01 vết thương vùng mặt trên đầu đốt 1 ngón 2 và kẻ giữa ngón 2, 3, bàn tay phải, vết không liên tục, dài 3,5cm, đã được khâu kín chỉ.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 09/10/2022, C bị các vết thương sau:

- + 01 vết bầm tụ máu vùng đỉnh đầu phải, không rõ hình, kích thước 4,5cm x 2,5 cm.

+ 01 vết xây xước da bầm tụ máu, sưng nề vùng lông mày trái, mắt trái, kích thước trong diện 6cm x 5cm.

+ 01 vết xước da vùng mặt sau khuỷu tay trái kích thước 3cm x 1,5cm, không rõ hình, xung quanh vết sưng nề trong diện 6 cm x 7cm.

+ 01 vết xước da không liên tục, không rõ hình vùng gối trái, kích thước trong diện 11cm x 5cm.

+ 01 vết xước da vùng mặt trong cổ bàn chân, không rõ hình, kích thước 1,5cm x 1,5cm.

Tại bản kết luận pháp y về thương tích số 1096 ngày 31/10/2022 của E tâm Pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trịnh Quốc T được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 13%.

Tại bản kết luận pháp y về thương tích số 1133 ngày 04/11/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trịnh Ngọc C được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 07%.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 11/10/2022, Lê Đình B bị các vết thương sau: 01 vết xước da dài 1,5cm tại cằm bên trái; 01 vết thâm kích thước trong diện 4cm x 2,5cm tại vùng trán bên trái; 01 vết thâm kích thước 2cm x 3,5cm. Do thương tích nhẹ, B đã tự điều trị tại nhà và có đơn từ chối giám định thương tích.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 10/10/2022, anh Trịnh Hữu I bị 01 vết thương rách da đã khâu tại vùng trán bên trái kích thước 4cm x 0,5cm. Do thương tích nhẹ nên anh I từ chối giám định và không có đề nghị gì về thương tích.

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Phương N, Lê Phong P đã thành khẩn khai nhận hành vi dùng dao, gây ba ton đánh gây thương tích cho Trịnh Ngọc C và Trịnh Quốc T; Các bị cáo Trịnh Quốc T, Lê Đình B, Trịnh Ngọc C và Lê Trung Đ đã có hành vi đánh, chửi nhau trong, trước nhà hàng Hùng Cường và ngoài đường gây mất trật tự trị an, xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trên địa bàn và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của nhà hàng Hùng Cường.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 gậy baton của Nguyễn Phương N, sau khi đánh gây thương tích cho C và T, N đã ném xuống cầu Si, xã ĐB, huyện Yên Định và 01 con dao của Lê Phong P, sau khi gây thương tích cho T, P đã để lại tại hiện trường, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

- Đối với xe mô tô BKS 36B8 -100.34 của Lê Trung Đ điều khiển chở C và E mục đích là xuống đón T về, do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ xe mô tô của Đ là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với chiếc mô tô Dream, màu mận Nguyễn Phương N sử dụng là của ông Lê Xuân Hạnh cho ông Nguyễn Văn Thanh (bố N) và xe mô tô Exciter màu xanh do Lê Phong P điều khiển là xe P mượn tại nhà một người bạn tên M ở xã Z. Sau khi xảy ra sự việc, N và P đã trả lại chiếc xe trên, khi N và P mượn xe, chủ xe không biết mục đích sử dụng, nên Cơ quan điều tra không thu giữ 02 chiếc xe trên là đúng quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Phương N và Lê Phong P đã cùng gia đình bồi thường số tiền 100.000.000đ cho Trịnh Quốc T và 16.000.000đ cho Trịnh Ngọc C. T và C đã nhận đủ số tiền bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời T, C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho N và P.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSÝĐ ngày 15/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định truy tố các bị cáo Nguyễn Phương N và Lê Phong P về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Trịnh Quốc T, Lê Đình B, Trịnh Ngọc C và Lê Trung Đ về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo N, P, T, B, C, Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phương N và Lê Phong P phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự; tuyên bố các bị cáo Trịnh Quốc T, Lê Đình B, Trịnh Ngọc C và Lê Trung Đ phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật để xử lý như sau:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65, Điều 58 và Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Phương N từ 20 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 40 tháng đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Lê Phong P từ 18 tháng đến 20 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 40 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 65, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt các bị cáo Trịnh Quốc T, Lê Đình B mỗi bị cáo từ 10 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Lê Trung Đ từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Trịnh Ngọc C từ 06 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong cho bị hại.

Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định.

[2] Về tội danh:

Thông qua tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Phương N, Lê Phong P, Trịnh Quốc T, Lê Đình B, Trịnh Ngọc C và Lê Trung Đ hoàn toàn thừa nhận: Vào khoảng 20 giờ ngày 08/10/2022, tại nhà hàng Hùng Cường ở khu 3, Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, các bị cáo Nguyễn Phương N, Lê Phong P, Trịnh Quốc T, Lê Đình B, Trịnh Trọng C và Lê Trung Đ đã có hành vi chửi, lùa đánh nhau gây mất trật tự trị an xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh khu phố 3, thị trấn Quán Lào và làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của nhà hàng Hùng Cường. Tiếp đó, T, N và P còn hẹn nhau đến trước cửa hàng giao hàng tiết kiệm trên Quốc lộ 45 thuộc khu 4, thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định gặp nhau để nói chuyện. Tại đây, N và P đã dùng gậy ba ton và dao là hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho T 13%, C 07%.

Đối chiếu với lời khai của các bị cáo trong hồ sơ vụ án, người làm chứng, dữ liệu camera thu giữ, kết luận giám định thương tích và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thấy hoàn toàn phù hợp. Như vậy, HĐXX xét thấy có đủ căn cứ chứng minh các bị cáo Trịnh Quốc T, Lê Đình B, Trịnh Ngọc C và Lê Trung Đ đã thực hiện hành vi chửi, lùa đánh nhau gây mất trật tự trị an xã hội. Với hành vi trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”. Như vậy, tội phạm đã được thành lập theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trịnh Quốc T, Lê Đình B, Trịnh Ngọc C và Lê Trung Đ. Đối với các bị cáo

Nguyễn Phương N và Lê Phong P ban đầu có hành vi gây rối trật tự công cộng, tuy nhiên sau đó còn dùng gậy ba ton và dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho T 13%, C 07%, diễn biến hành vi liên tục nên hành vi gây rối được thu hút vào hành vi gây thương tích. Vì vậy, hành vi của các bị cáo N và P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. VKSND huyện Yên Định truy tố các bị cáo theo tội danh trên, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với anh Trịnh Hữu I bị đánh thương tích tại vùng trán. Do thương tích nhẹ nên anh I từ chối giám định và không có đề nghị gì về thương tích, nên không xem xét.

Đối với anh Trịnh Văn E là người đi cùng với C và Đ, nhưng anh E không tham gia đánh nhau, gây rối, nên anh E không phạm tội.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, quan hệ pháp luật xâm phạm, tính chất của đồng phạm và vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo N, P gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác. Hành vi của T, B, C và Đ gây mất trật tự nơi công cộng, gây hoang mang, lo lắng và bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội trên địa bàn. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Đánh giá về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án hình sự có tính chất đồng phạm giản đơn. Đối với hành vi cố ý gây thương tích, N là người rủ P đến trước cửa hàng giao hàng tiết kiệm sau đó đánh gây thương tích cho T và C nên N có vai trò số 01, P có vai trò số 02. Đối với hành vi gây rối trật tự công cộng, T là người chỉ B cho C và Đ đánh, B là người có mâu thuẫn với T từ đầu, đánh T trước, do vậy cả B và T đều có vai trò số 01, C và Đ có vai trò số 02 trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo N, P, T, C, B và Đ đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo N và P được hưởng thêm 03 tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “đầu thú”, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo T, C, B và Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt:

Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội do nhất thời của tuổi mới lớn, nên áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Do bị cáo N và P có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, HĐXX quyết định áp dụng Điều 54 để xét xử bị cáo dưới khung hình phạt tạo điều kiện cho các bị cáo và thể hiện sự khoan hồng đối với người biết ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Phương N và Lê Phong P đã tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000đ cho Trịnh Quốc T và 16.000.000đ cho Trịnh Ngọc C. T và C đã nhận đủ số tiền bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phương N và Lê Phong P phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Trịnh Quốc T, Lê Đình B, Trịnh Ngọc C và Lê Trung Đ phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương N 22 (*hai mươi hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 44 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Phong P 20 (*hai mươi*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Quốc T 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Đình B 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Trung Đ 10 (*mười*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc C 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Phương N cho UBND xã ĐB; Giao bị cáo Lê Phong P cho UBND xã Z; Giao bị cáo Lê Đình B cho UBND xã YH; Giao các bị cáo Trịnh Quốc T, Lê Trung Đ và Trịnh Ngọc C cho UBND xã YN, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND các xã trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn điểm khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Phương N, Lê Phong P, Trịnh Quốc T, Lê Đình B, Trịnh Ngọc C và Lê Trung Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo : Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên quyền kháng cáo bản án cho các bị cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng